

Bản án số: 19 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06 / 7/ 2021

V/v tranh chấp “hôn nhân  
và gia đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông La Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HN ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HN ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn T, sinh ngày 29/10/1974, nơi cư trú: Số 13 đường Ng, khóm 2, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà QUACH KRISTINE C, sinh ngày 28/02/1970, nơi cư trú: CA 95133, Hoa Kỳ, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Trương Văn T trình bày:*

Ông Trương Văn T và bà QUACH KRISTINE C quen do người thân mai mối, qua tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết số 39, Quyền I ngày 07/02/2009. Sau khi kết hôn ông T và bà QUACH KRISTINE C chung sống được vài tháng, bà QUACH KRISTINE C trở về Mỹ. Ông T và bà C còn liên lạc bằng điện thoại, thư từ chỉ được vài năm thì chấm dứt. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung nên ông T yêu cầu được ly hôn bà

C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà QUACH KRISTINE C đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án và Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 25/02/2021 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự nhưng bà QUACH KRISTINE C không có ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của ông T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa công bố lý do nguyên đơn vắng mặt và đơn đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ghi ngày 01/12/2020.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án nguyên đơn kiện bị đơn ly hôn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà QUACH KRISTINE C, cư trú tại CA 95133 Hoa kỳ, nguyên đơn cư trú: Số 13 đường Ng, khóm 2, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà QUACH KRISTINE C đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án và đã có kết quả ủy thác cơ quan có thẩm quyền Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện được việc ủy thác trên vào ngày 25/02/2021 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự. Bà QUACH KRISTINE C không liên hệ Tòa án để có ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của ông T.

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Ông Trương Văn T và bà QUACH KRISTINE C quen nhau do được mai mối, qua tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn

và được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết số 39, Quyển I ngày 07/02/2009, được công nhận hôn nhân.

Sau khi kết hôn, ông T và bà QUACH KRISTINE C chung sống được vài tháng, bà QUACH KRISTINE C trở về Mỹ. Ông T và bà C còn liên lạc bằng điện thoại, thư từ được vài năm thì chấm dứt. Bà C đã không trở lại Việt Nam và vợ, chồng không còn liên lạc với nhau nhiều năm.

Thấy rằng việc vợ, chồng chia cách trong thời gian dài và không có điều kiện đoàn tụ. Xét, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà QUACH KRISTINE C theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc ông Trương Văn T xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông T và bà QUACH KRISTINE C trong thời kỳ hôn nhân thì ông Trương Văn T và bà QUACH KRISTINE C phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Văn T.

1. Ông Trương Văn T được ly hôn với bà QUACH KRISTINE C.

Giấy chứng nhận kết hôn số kết số 39, Quyển I ngày 07/02/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận việc ông Trương Văn T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông Trương Văn T và bà QUACH KRISTINE C trong thời kỳ hôn nhân thì ông Trương Văn T và bà QUACH KRISTINE C phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng:

Ông Trương Văn T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp là 2.978.560 (Hai triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 3.020.000 ( Ba triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007454 ngày 27/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông T được nhận lại 41.440 (Bốn mươi một ngàn bốn trăm bốn mươi đồng).

Ông Trương Văn T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007406 ngày 20/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Trương Văn T đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

#### 5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Trương Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005766 ngày 14/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Trương Văn T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bà QUACH KRISTINE C là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng KTNV-THA;
- Văn phòng;
- Lưu: Tòa GD&NCTN, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**La Hồng**